TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28-5-2025
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Khảm

2. Bà Trần Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2025/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Làng D, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. "Có mặt"

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Q. "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 02 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H kết hôn với nhau vào ngày 11 tháng 5 năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, chị và anh H sống chung cùng với gia đình anh H tại thôn D, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc và vợ chồng đã có với nhau hai người con chung. Tuy nhiên, sau khi có con chung đến khoảng năm 2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H chơi bời, không chịu làm ăn dẫn đến vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Về kinh tế trong gia đình vợ chồng không có sự chia sẻ, mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Từ năm 2017 đến nay anh H nhiều lần vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù tại trại giam, năm 2023 anh H phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy và đi chấp hành án tại Trại giam Q. Chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân vợ chồng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Trần Hoàng Hải N, sinh ngày 09/12/2012 và cháu Trần Thanh T, sinh ngày 22/10/2014. Hiện nay hai cháu đang ở với chị, ly hôn chị xin trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, các khoản vay, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 03 năm 2025 anh trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như đơn khởi kiện của chị L trình bày là đúng. Quá trình chung sống anh và chị H có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không có hạnh phúc. Năm 2023 anh vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử phạt 05 năm 03 tháng tù hiện nay anh đang đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Q. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên anh cũng đồng ý và thống nhất ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Trần Hoàng Hải N, sinh ngày 09/12/2012 và cháu Trần Thanh T, sinh ngày 22/10/2014. Hiện nay hai cháu đang ở với chị L. Ly hôn anh đồng ý để chị L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, các vấn đề khác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án

và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng mối quan hệ có tranh chấp, xác định đúng tư cách đương sự, lập hồ sơ vụ án, cho các đương sự trình bày đầy đủ, lập biên bản giao nhận các văn bản tố tụng, tống đạt thông báo thụ lý, ra quyết định xét xử, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời gian đúng quy định, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, chị L thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, anh H do đang chấp hành án phạt tù nên không có mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và tại phiên tòa, tuy nhiên anh H có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xắng mặt anh H là đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58 điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về tình cảm: Chấp nhận cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Trần Văn H.

Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Hoàng Hải N, sinh ngày 09/12/2012 và cháu Trần Thanh T, sinh ngày 22/10/2014. Hiện nay các cháu đang ở với chị L, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về tài sản chung, tài sản riêng, các khoản vay, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; anh H không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn H, do đó đây là vụ án ly hôn. Bị đơn anh Trần Văn H hiện đang có hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc. Ngày 28 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc mở phiên xét xử theo quy định, anh H vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của đương sự và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn và xác minh tại địa phương thể hiện. Việc kết hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Trần Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó, quan hệ hôn

nhân giữa chị L và anh H là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, đến khoảng năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh H nhiều lần vi phạm phạm luật và phải đi chấp hành án tại trại giam. Từ năm 2017 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Sau khi ly thân hai bên không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, anh H hiện nay đang đi chấp hành án phạt tù nên không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay chị Hoàng Thị L vẫn giữ quan điểm xin ly hôn với anh Trần Văn H. Về phía anh H Toà án đã tiến hành lấy lời khai thể hiện anh đồng ý ly hôn và đồng ý để chị L nuôi con chung, do anh hiện nay đang đi chấp hành án nên không thể đến tòa án tham gia phiên tòa được nên anh đề nghị xét xử vắng mặt.

Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc các bên đồng thuận ly hôn là phù hợp với thực tế mâu thuẫn vợ chồng và các quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng anh H, chị L có 02 con chung là cháu Trần Hoàng Hải N, sinh ngày 09/12/2012 và cháu Trần Thanh T, sinh ngày 22/10/2014, hiện nay các cháu đang sống cùng chị L. Ly hôn chị L và anh H đều thống nhất để chị L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu N và T, các cháu cũng có nguyện vọng muốn ở với chị L, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, cần giao cháu N và T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo nguyện vọng của các bên là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Về ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Hoàng Hải N, sinh ngày 09/12/2012 và cháu Trần Thanh T, sinh ngày 22/10/2014. Hiện các cháu đang ở cùng với chị L. Anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Vì quyền lợi của con chung, sau khi ly hôn, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0003578, ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- UBND xã Trung Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hoàng Tuấn Mạnh